

ĐIỀU VĂN TẠI LỄ TANG GIÁO SƯ BẾ VIẾT ĐẰNG (*)

**Kính thưa các cụ, các ông, các bà
Thưa chị Lê Thị Hùng và gia quyến
Thưa các đồng chí và các bạn.**

Giáo sư Bế Viết Đẳng, người đồng chí thân thiết, người cán bộ tận tụy của Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, đã đột ngột vĩnh biệt chúng ta vào lúc 4 giờ 25 phút, ngày 11-01-1998 (tức ngày 13 tháng chạp năm Đinh Sửu), hưởng thọ 68 tuổi.

Hôm nay, chúng ta có mặt đông đủ tại đây, đau buồn tiễn đưa Giáo sư Bế Viết Đẳng về nơi an nghỉ cuối cùng. Trong giờ phút đau thương này, cho phép tôi thay mặt Ban cán sự Đảng, Đảng uỷ, Lãnh đạo Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, cùng các đồng chí, các bạn và gia quyến ôn lại cuộc đời hoạt động Cách mạng và sự nghiệp khoa học của Giáo sư.

Giáo sư Bế Viết Đẳng, sinh ngày 19-11-1930 tại bản Tà Cooc, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Ngay từ lúc còn là một học sinh trong những ngày đầu của cuộc Cách mạng Tháng Tám sôi động Anh đã sớm giác ngộ cách mạng và đã tham gia đội tuyên truyền vũ trang ở huyện.

Năm 1947, khi bước vào tuổi 17 Anh đã đứng trong đội ngũ những người Cộng sản Việt Nam tại Trường Trung học Việt Bắc và sau đó là cán bộ giảng dạy chính trị Trường sư phạm miền núi Trung ương.

Năm 1955 Anh tham gia Đoàn cải cách ruộng đất ở Thanh Hoá.

Từ năm 1956 - 1959. Anh là sinh viên Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Từ năm 1960 - 1964 Anh là nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Lômônôxốp - Matxcova.

Năm 1965 Anh là người dân tộc thiểu số đầu tiên ở nước ta bảo vệ thành công luận án PTS và về nhận công tác tại Tổ dân tộc học, thuộc Viện Sử học Việt Nam. Năm 1968 Anh là một trong những người đề xướng thành lập Viện Dân tộc học, giữ nhiệm vụ Bí thư chi bộ và thư ký khoa học.

Từ năm 1973 đến năm 1984 Anh được cử giữ chức vụ Phó Viện trưởng Viện Dân tộc học và từ năm 1984 đến 1995 là Viện trưởng Viện Dân tộc học, kiêm Tổng biên tập Tạp chí Dân tộc học; là sáng lập viên và là chủ tịch đầu tiên của Hội Dân tộc học Việt Nam.

Năm 1991 Anh được Nhà nước phong học hàm Giáo sư.

Thưa quý vị, các đồng chí và các bạn !

Hơn nửa thế kỷ tham gia cách mạng Giáo sư Bế Viết Đẳng đã cống hiến đến hơi thở cuối cùng cho sự nghiệp khoa học của Đảng, của nhân dân, dù ở cương vị công tác

(*) (Do GS.TS Nguyễn Duy Quý, Uỷ viên Trung ương Đảng, Giám đốc Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia đọc)

nào Giáo sư cũng hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao với tất cả nhiệt tình và sức lực của mình.

Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, Giáo sư Bé Viêt Đăng đã để lại nhiều công trình nghiên cứu với hàng chục cuốn sách, hàng trăm luận văn đăng trên các Tạp chí nghiên cứu chuyên ngành. Những công trình nghiên cứu của Giáo sư Bé Viêt Đăng vừa có ý nghĩa lý luận vừa có ý nghĩa thực tiễn. Trong các công trình, nhiều vấn đề lý luận của ngành Dân tộc học như : Nguồn gốc và lịch sử tộc người; Các hình thái Kinh tế - xã hội... đã được Giáo sư dày công nghiên cứu và đã có nhiều đóng góp có ý nghĩa. Đặc biệt dưới sự lãnh đạo của Giáo sư, công việc xác minh thành phần dân tộc ở nước ta đã được hoàn thành vào cuối năm 1978, tạo cơ sở khoa học và góp phần vào thắng lợi của cuộc Tổng điều tra dân số trong những năm 1979 và 1989. Giáo sư là một trong những người đi tiên phong trong việc nghiên cứu Dân tộc học gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội mỗi dân tộc, đặc biệt là các dân tộc thiểu số.

Trong suốt gần 30 năm giữ trọng trách lãnh đạo Viện Dân tộc học, Giáo sư đã có những công trình khoa học tổng kết, đánh giá, định hướng chiến lược phát triển ngành Dân tộc học, mà nhờ đó Viện Dân tộc học nói riêng, ngành Dân tộc học nói chung đã có sự phát triển liên tục, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Công lao to lớn của Giáo sư Bé Viêt Đăng còn ở chỗ, đã góp phần vào việc tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ nghiên cứu dân tộc học có trình độ trên đại học trong cả nước, có đủ phẩm chất và năng lực để giải quyết nhiều vấn đề lý luận của ngành do thực tế đặt ra.

Giáo sư Bé Viêt Đăng là một trong những người khởi xướng và kiên trì việc xây dựng Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, từ những năm 80. sau đó Giáo sư cùng với tập thể lãnh đạo và cán bộ khoa học đã có nhiều nỗ lực và quyết tâm cao để Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam sớm được khánh thành. Hai năm gần đây, với cương vị là nghiên cứu viên cấp cao, Giáo sư đã có nhiều đóng góp quý báu trong việc quy hoạch, định hướng chiến lược phát triển của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. Mặc dù tuổi cao, nhưng Giáo sư vẫn hăng say nghiên cứu, sưu tầm hiện vật, đi thực địa trên nhiều vùng dân tộc xa xôi hẻo lánh.

Giáo sư Bé Viêt Đăng một đảng viên, một cán bộ trung thực, đức độ, trong sáng, làm việc say sưa, tận tụy, luôn luôn muốn cống hiến nhiều hơn nữa sức lực và trí tuệ của mình cho sự nghiệp khoa học. Vậy mà, thật không ngờ Giáo sư do tai nạn giao thông đã đột ngột ra đi để lại trong lòng mỗi chúng ta niềm tiếc thương vô hạn.

Thưa quý vị, các đồng chí và các bạn.

Giáo sư Bé Viêt Đăng đã trọn đời cống hiến cho sự nghiệp khoa học và giáo dục của Đảng; cho sự nghiệp phát triển của các dân tộc ở nước ta, cho sự thực hiện có kết quả chính sách dân tộc đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta. Đánh giá cao những cống hiến của Giáo sư, Đảng và Nhà nước tặng thưởng Giáo sư Huy chương kháng chiến Hạng Nhì; Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước Hạng Nhì, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

Giáo sư Bé Viêt Đăng của chúng ta mất đi là một tổn thất to lớn. Đảng và Nhà nước mất một cán bộ khoa học nhiệt thành và tài năng, cơ quan mất một nhà khoa học đầu ngành, Đảng bộ mất một đảng viên trung thành, tận tụy, gia đình mất đi người chồng, người cha, người ông vô cùng thân thiết, để lại trong chúng ta nỗi thương nhớ (xem tiếp trang 77)

TIN BUỒN



Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội đồng khoa học Trung tâm khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia, Hội Dân tộc học, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Viện Dân tộc học, Tạp chí Dân tộc học và gia đình thương tiếc báo tin:

Giáo sư, Phó tiến sỹ BẾ VIẾT ĐĂNG

Sinh ngày 19 - 11 - 1930, quê quán xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, Ủy viên Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nguyên Chủ tịch Hội Dân tộc học Việt Nam, nguyên Ủy viên Hội đồng khoa học Trung tâm khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia, nguyên Đảng ủy viên Đảng bộ Trung tâm khoa học Xã hội và Nhân văn

quốc gia, nguyên Viện trưởng Viện Dân tộc học, nguyên Tổng biên tập Tạp chí Dân tộc học, hội viên Hội Nhà báo Việt Nam, hội viên Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Nghiên cứu viên cao cấp Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, Huy chương kháng chiến chống Pháp hạng nhì, Huân chương chống Mỹ hạng nhì, đã từ trần hồi 4 giờ 25 phút ngày 11 - 1 - 1998 tại Hà Nội.

Lễ tang được tổ chức tại nhà Tang lễ Bộ quốc phòng Hà Nội. An táng tại quê nhà.

Toà soạn Tạp chí Dân tộc học xin gửi lời chia buồn thống thiết nhất đến gia khuyến Giáo sư Bế Viết Đăng.

TOÀ SOẠN TẠP CHÍ DÂN TỘC HỌC

ĐIỀU VĂN TÀI LỄ TANG..... (tiếp trang 76)

khôn người. Tổn thất này không dễ già bù đắp; trong giờ phút đau thương này, chúng tôi xin gửi tới chị Lê Thị Hùng, các cháu cùng toàn thể gia quyến lời chia buồn sâu sắc nhất.

Giáo sư Bế Viết Đăng kính mến! Xin Anh hãy nhận ở chúng tôi niềm tiếc thương vô hạn và tấm lòng kính phục trước tấm gương lao động khoa học và đức độ của Anh. Mong Anh được an giấc ngàn thu !

Xin vĩnh biệt Anh !

Một phút mặc niệm để tưởng nhớ Giáo sư Bế Viết Đăng

GIỚI THIỆU SÁCH

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC DÂN TỘC MIỀN NÚI PHÍA BẮC(*)

LÊ PHẠM MINH QUÝ

Miền núi phía Bắc có 12 tỉnh: Lai châu, Sơn La, Hoà Bình, Yên Bái, Lào Cai, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Cạn, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh. Ở đây có hơn 30 dân tộc cư trú, là địa bàn xung yếu về kinh tế và quốc phòng của Tổ quốc.

Tìm hiểu kinh tế - xã hội của các dân tộc ở vùng này là một đòi hỏi cấp thiết vừa mang tính khoa học vừa mang tính chính trị. Cuốn sách "*Những đặc điểm Kinh tế - xã hội các dân tộc miền núi phía Bắc*" là kết quả nghiên cứu từ các cuộc điều tra điền dã dân tộc học trong nhiều năm, kết hợp với các tài liệu thống kê về dân số, về kinh tế, văn hoá... ở Trung ương và địa phương. So với các cuốn sách cùng chủ đề: "*Một số vấn đề về kinh tế - xã hội các tỉnh miền núi phía Bắc*"⁽¹⁾, "*Những biến đổi về kinh tế, văn hoá các tỉnh miền núi phía Bắc*"⁽²⁾ của tập thể các tác giả, thì cuốn sách này do PGS. PTS Khổng Diễn chủ biên có nhiều đóng góp mới. Trước hết, các tác giả có những nhận định, đánh giá một cách cụ thể,

khách quan và sát với thực tế ở địa phương; từ các góc độ môi trường sinh thái, dân số, những đặc điểm kinh tế cơ bản, tổ chức xã hội, văn hoá truyền thống và các quan hệ xã hội. Cuốn sách bố cục chặt chẽ

theo các vấn đề như tên gọi của nó.

Ngoài lời nói đầu và kết luận, nội dung chính có 5 chương:

Chương 1: Những đặc điểm về môi trường tự nhiên và dân số các dân tộc (từ trang 7 đến trang 67). Chương này đề cập đến 2 vấn đề:

- Mối quan hệ qua lại giữa con người với môi trường tự nhiên.

- Vấn đề dân cư và dân số.

Miền núi phía Bắc có tiềm năng thiên nhiên rất lớn: "rừng vàng". Tiềm năng về đất rừng, có điều kiện cho phát triển nông nghiệp, chăn nuôi, tiềm năng về các dòng chảy để xây dựng thủy điện như: Hoà Bình, Thác Bà và tương lai là nhà máy thủy điện Sơn La...; tiềm năng về khoáng sản... Con người ở đây sớm biết khai thác các tiềm năng thiên nhiên, như: hái lượm, săn bắt, đánh cá, khai thác lâm thổ sản, khai thác sức nước để giã gạo, dẫn thủy nhập điền...; khai tác các khoáng sản...

Về vấn đề dân cư và dân số: là một khu vực có diện tích 93.500km², dân số hơn 7 triệu người và có trên 30 dân tộc. Phần này các tác giả phân tích khá tỉ mỉ qua các số liệu, bảng biểu về các mặt: mật độ dân số, dân số thành thị và nông thôn, cơ cấu dân số theo giới tính, lứa tuổi, thành phần từng tộc người và sự phân bố của họ, cũng như sự phát triển dân số, nguồn lao động và sử dụng lao động trong khu vực.

(*) Tác giả: Khổng Diễn chủ biên, Nxb Khoa học xã hội, H. 1996, 256 trang, khổ 13x 19cm.

(¹) Tập thể tác giả, Nxb Khoa học xã hội, H. 1987.

(²) Tập thể tác giả, Nxb Khoa học xã hội, H. 1993.

Chương 2: Một số vấn đề kinh tế cơ bản (từ trang 68 đến trang 129). Các tác giả trình bày theo trật tự: các loại hình kinh tế truyền thống (canh tác ruộng nước, canh tác nương rẫy, làm vườn), chăn nuôi (nuôi trâu, bò, ngựa, lợn, chó, gà, vịt, cá), thủ công nghiệp (nghề dệt vải, đan lát, làm gốm và vật liệu xây dựng, rèn đúc, ép và chưng cất tinh dầu, làm thuốc chữa bệnh, làm giấy), săn bắt và khai thác sản phẩm rừng, v.v...

Chương 3: Tổ chức xã hội (từ trang 130 đến trang 194). Phần này các tác giả trình bày các loại hình tổ chức xã hội cổ truyền của các dân tộc. Đó là các loại hình: Bản (làng), dòng họ, gia đình,... mà đến nay các thể chế xã hội này vẫn đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội và sự phát triển tộc người; và đi theo các hình thức tổ chức xã hội đó là các trường bản, các lễ nghi phong tục sinh hoạt đời sống văn hoá của dân bản, của tộc người có ảnh hưởng đáng kể đến sự thúc đẩy, hoặc kìm hãm sự phát triển xã hội của đồng bào các dân tộc.

Chương 4: Văn hoá truyền thống (từ trang 195 đến trang 213). Chương này các tác giả chủ yếu đưa ra 3 vấn đề: 1. Làng bản và văn hoá vật chất, 2. Tập tục cư trú và 3. Ngôn ngữ chữ viết cho đồng bào các dân tộc ở đây.

Chương 5: Mối quan hệ dân tộc và chính sách dân tộc (từ trang 214 đến trang 249). Các tác giả đặt vị trí quan trọng về kinh tế, quốc phòng của vùng này trong

bối cảnh chung của đất nước. Với hơn 30 dân tộc, mà có dân tộc bản địa, có dân tộc mới di cư từ Trung Quốc đến; các dân tộc miền núi phía Bắc được hưởng thành quả của Cách mạng Dân tộc dân chủ và xây dựng nền kinh tế văn hoá mới từ rất sớm nên hình thành đội ngũ công nhân, trí thức mới nên quan hệ giữa các dân tộc vừa mang tính tự nhiên vừa bị chi phối bởi các thiết chế xã hội của chính quyền.

Đây là cuốn sách có nội dung phong phú, nhiều tư liệu có giá trị và có nhiều đóng góp về mặt khoa học. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm nổi bật trên, cuốn sách không tránh khỏi một vài thiếu sót. Trước hết về nội dung, nếu như các phần khác viết rất khá kỹ và có nội dung phong phú thì ở chương 4 (Văn hoá truyền thống) lại có phần sơ sài, chưa đi sâu vào nội dung như tiêu đề đặt ra. Đây là một chương có thể thu thập được nhiều tài liệu và nhiều tài liệu hay ở hơn 30 dân tộc. Về hình thức, cách bố cục, trình bày các đề mục có phần lộn xộn, không thống nhất, ví dụ các mục ở trang 11, 68, 85, 107, 157, 168, 189, ...

Mặc dù có một số hạn chế, thiếu sót hoặc do các tác giả, hoặc do biên tập, chế bản in của Nhà xuất bản như đã nói ở trên. "*Những đặc điểm Kinh tế - xã hội các dân tộc miền núi phía Bắc*", vẫn là cuốn sách có giá trị, thực sự bổ ích đối với các nhà nghiên cứu, những ai muốn tìm hiểu về kinh tế - xã hội các dân tộc miền núi phía Bắc nói riêng và cả nước nói chung.

Tap chí Dân tộc học giới thiệu cùng bạn đọc.

TIN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC

HỘI THẢO QUỐC GIA:

"TIẾP CẬN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THiểu SỐ"

Từ ngày 16 đến 20 tháng 2 năm 1998, Hội thảo quốc gia "Tiếp cận phát triển cộng đồng dân tộc thiểu số" do Ủy ban Dân tộc và miền núi, UNDP và Dự án RAS/93/103 đồng tổ chức đã được tiến hành tại Hà Nội. Tham dự Hội thảo, có hàng trăm đại biểu, bao gồm các nhà khoa học, cán bộ dự án, cán bộ quản lý địa phương, đại biểu một số dân tộc (Dao, Hmông, Tày, Êđê) ở vùng có dự án và nhiều đại biểu của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

Cùng với các nước Lào, Căm-pu-chia và Thái Lan, Việt Nam đang tham gia vào chương trình khu vực Đông Dương về phát triển người dân vùng cao thông qua xây dựng và tăng cường tiềm lực các bên tham gia, gọi tắt là HPP - mã số RAS/93/103. Chương trình nhằm góp

phần vào việc xoá đói giảm nghèo tại các quốc gia, nhất là với các nhóm dân tộc thiểu số vùng cao. Hội thảo này nhằm góp phần thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của dự án. Trong Hội thảo, có 32 báo cáo chính được trình bày, bao gồm các lĩnh vực: *Môi trường và đất đai tại vùng cao; Phát triển du lịch bền vững ở vùng cao; Cung cấp các dịch vụ xã hội cho vùng cao; Phương pháp tiến hành xây dựng năng lực cộng đồng; Phương pháp làm việc với phụ nữ vùng cao; Tín dụng nông thôn; Các yếu tố ảnh hưởng của văn hoá tới phát triển.....*

Tại Hội thảo, đại biểu của Viện Dân tộc học đã có báo cáo: *"Tập quán bảo vệ rừng và nguồn tài nguyên với việc xây dựng quy ước làng bản hiện nay của các dân tộc Tày, Nùng ở hai tỉnh Lạng Sơn và Bắc Giang"*.

Ngoài thời gian làm việc ở Hà Nội, Hội thảo còn tổ chức cho đại biểu đi tham quan hai điểm triển khai dự án ở các tỉnh Thái Nguyên và Bắc Cạn.

P.V